

Do Ủy ban Quốc tế Quản lý Di sản Văn hóa (ICAHM) soạn thảo và được Đại Hội đồng ICOMOS thông qua tại Lausanne năm 1990.

Mở đầu

Nhân bản văn minh và sự phát triển của các xã hội con người đã được thừa nhận rằng là điều quan trọng cần thiết cho nhân loại để xác định giá trị văn hóa và xã hội của mình.

Di sản văn hóa tạo thành một số cần thiết và hoạt động của con người và thế giới. Cho nên việc bảo vệ và quản lý thích đáng di sản đó là nhiệm vụ cho các nhà văn hóa và các quốc gia khác có điều kiện nghiên cứu và lý giải nó, thay thế cho và vì lợi ích của thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau.

Việc bảo vệ di sản này không chỉ dựa trên thu nhập vào việc áp dụng các kỹ thuật văn hóa. Nó đòi hỏi một trình độ và kỹ năng chuyên nghiệp và khoa học riêng biệt. Một sự yểm trợ của di sản văn hóa là bộ phận của thành phố và kiến trúc, và trong trường hợp đó phải được bảo vệ phù hợp với tiêu chí bảo vệ kiến trúc như đã được nêu trong Hiến chương Venice về Bảo toàn và Trưng tu Di tích và Di sản. Có những yêu cầu khác của di sản văn hóa là bộ phận của những truyền thống đang tồn tại của các dân tộc bản xứ, và điều này những lợi ích di tích di sản này thì việc tham gia của các nhóm văn hóa địa phương là nhiệm vụ cho việc bảo vệ và bảo tồn.

Vì những lý do đó và còn nhiều lý do khác nữa việc bảo vệ di sản văn hóa phải được đặt ra trên sự đồng tác hợp và hiểu biết của các nhà chuyên môn nhiều ngành khác nhau. Nó cũng đòi hỏi sự hợp tác của các chức năng chính quyền, các nhà nghiên cứu hàn lâm, xí nghiệp và nhân công công nghiệp và công chúng riêng rẽ. Do vậy, hiến chương này đặt ra những nguyên tắc liên quan đến các mặt khác nhau trong quản lý di sản văn hóa. Các mặt đó bao gồm trách nhiệm của các chức năng công quyền và các nhà lập pháp, những nguyên tắc liên quan đến việc thi hành và các quy trình kiểm kê, khảo sát, khai quật, lập hồ sơ, nghiên cứu, bảo quản, bảo toàn, bảo tồn, trưng tu, thông tin, giải thích, tiếp xúc của dân chúng và cách sử dụng di sản và trình diễn nghiệp vụ của những người có trách nhiệm bảo vệ di sản văn hóa.

Hiến chương này được thúc giục ra đời bởi thành công của Hiến chương Venice với tư cách là văn kiện chủ chốt, là nguồn gợi ý trong các lĩnh vực chính sách và hành sự của chính quyền, của các học giả và các nhà nghiên cứu.

Hiến chương phải phản ánh được những nguyên tắc cốt lõi của văn hóa và những đóng góp của lịch sử để có giá trị toàn cầu. Vì những lý do đó hiến chương không thể là một văn kiện đơn lẻ và không thể có những vùng ngoại lệ. Cho nên hiến chương còn phải được bổ sung thêm những nguyên tắc, quy tắc trên bình diện vùng và quốc gia.

Điều 1. Định nghĩa và mục đích

"Di sản văn hóa" là bộ phận di sản vật chất mà các phương pháp văn hóa của chúng ta đang giữ gìn và phát triển nó. Di sản này bao gồm mọi vật tích lũy của con người được lưu lại trong những địa điểm liên quan đến mọi hoạt động của con người, trong những cấu trúc đã bị hoang phế, trong những vật tích lũy các loài (cả những di chỉ động vật và thực vật) cũng như các vật liệu văn hóa gắn liền với các di tích đó.

Điều 2. Chính sách văn hóa hợp tác

Di sản văn hóa là một nguồn văn hóa mạnh mẽ và không tái sinh được. Do đó việc đầu tư đầu tư và quy hoạch để giữ gìn và phát triển văn hóa là một nhiệm vụ cấp bách.

Các chính sách văn hóa di sản văn hóa phải là bộ phận hợp thành của các chính sách liên quan đến việc sử dụng đất đai, phát triển, việc văn hóa học tập và các chính sách văn hóa, môi trường và giáo dục. Các chính sách văn hóa di sản văn hóa phải thông qua sự đồng ý và sự tham gia của các bên liên quan. Việc tổ chức lập ra những khu vực dành riêng cho văn hóa phải làm thành bộ phận của các chính sách trên. Việc văn hóa di sản văn hóa phải được các nhà hoạch định chính sách, quốc gia, vùng, địa phương lưu tâm.

Việc tham gia tích cực của quần chúng phải là bộ phận của các chính sách văn hóa di sản văn hóa. Điều này là một yêu cầu khi có dính líu đến di sản của dân bản địa. Việc tham

gia phải được đặt trên cơ sở là để có hiệu lực thi hành cho việc hoạch định chính sách. Do đó việc cung cấp thông tin quản lý công chúng là một yêu cầu quan trọng trong việc báo và hợp nhất.

Điều 3. Pháp chế và Kinh tế

Việc báo và di sản văn hóa phải được coi như là một nghĩa vụ tinh thần đạo lý đối với mọi người, mà đó cũng là trách nhiệm tập thể công chúng. Nghĩa vụ đó phải được thể hiện qua pháp chế thích hợp và qua việc lập ra những quy định đáng để tài trợ cho những chương trình cần thiết cho việc quản lý di sản văn hóa hiệu quả.

Di sản văn hóa là di sản chung cho mọi xã hội con người, do đó nhiệm vụ của mọi đất nước là phải đảm bảo có sự nhận những quy định đáng để dùng vào việc báo và di sản đó.

Pháp chế phải đảm bảo việc báo và di sản văn hóa tuân theo nhu cầu của lịch sử, truyền thống của mọi đất nước và mọi vùng, tạo điều kiện cho việc báo và tài trợ và cho các yêu cầu nghiên cứu.

Pháp chế cần phải đặt cơ sở trên khái niệm coi di sản văn hóa là di sản của toàn nhân loại và của các nhóm người chứ không phải là của một cá nhân người nào hoặc một dân tộc riêng biệt nào.

Pháp chế phải có thể đoán mọi hậu quả, suy thoái hoặc biến đổi do việc sửa đổi bất kỳ một di sản hoặc di tích văn hóa nào hoặc môi trường xung quanh nó mà không được sự đồng ý của các cơ quan văn hóa có liên quan.

Pháp chế trên nguyên tắc phải đòi hỏi có khảo sát văn hóa kèm theo dự thảo trong trường hợp phá hủy một di sản văn hóa nào đó là được phép.

Pháp chế phải đòi hỏi, và có điều khoản về, việc báo và quản lý, báo toàn di sản văn hóa

học phải thích đáng. Những hình phạt theo luật dành phải được thực thi đối với các vi phạm pháp chế di sản văn hóa.

Nếu pháp chế ban hành sau báo và đối với các di sản văn hóa đã được xếp hạng hoặc đã được đăng ký vào danh mục có chức năng chính thức, thì phải nghiêm quy định về báo và tìm kiếm các di tích và di sản văn hóa không được báo và hoặc mới phát hiện cho đến khi tiến hành sơ đánh giá về văn hóa.

Các dự án phát triển tạo ra mất trong những mối đe dọa về vật chất liên quan đối với di sản văn hóa. Nhiệm vụ của người lập pháp quy hoạch là phải đảm bảo rằng trước khi các kế hoạch phát triển được thực hiện phải có tiến hành nghiên cứu tác động của di sản văn hóa, do đó phải đưa những nghiên cứu này vào một dự luật thích đáng quy định phí tổn nghiên cứu đó là gộp vào phí dự án.

Nguyên tắc mà các kế hoạch phát triển phải được vạch ra làm sao để giảm thiểu tác động của kế hoạch di sản văn hóa cũng phải được xác lập trong pháp chế.

Điều 4. Nghiên cứu

Việc báo và di sản văn hóa phải được đặt trên cơ sở hiểu biết đầy đủ nhất có thể có được về phạm vi và tính chất di sản. Vì vậy việc nghiên cứu tổng quát các nguồn tài liệu văn hóa là một công việc làm việc thiết yếu, để xây dựng các chiến lược báo và di sản văn hóa. Do đó, việc nghiên cứu văn hóa phải là một nghĩa vụ cần tuân trong việc báo và và quản lý di sản văn hóa.

Đồng thời, các bên liên quan nên thành một ngân hàng dữ liệu chung ưu cho việc nghiên cứu tìm tòi khoa học. Do đó việc biên soạn các bên liên quan phải được coi như là một tiến trình liên tục năng động. Do vậy các bên liên quan phải bao gồm thông tin về dữ liệu chính xác và tin cậy về các cấp độ khác nhau. Bởi vì ngay cả những hiểu biết hiện tại cũng có thể tạo thành điểm xuất phát cho các biện pháp báo và.

Điều 5. Khảo sát

Hiệu biết khảo cổ học chủ yếu dựa trên khảo sát khoa học di sản văn hóa. Khảo sát bao gồm các mặt lo ngại các phương pháp, tất cả các kỹ thuật không phá hủy thông qua việc lấy mẫu vật để nghiên cứu khai quật toàn bộ.

Phối hợp nhân rộng nguyên tắc liên quan trực tiếp là việc thu thập thông tin về di sản văn hóa học phải không được phá hủy chi phí tích lũy khảo cổ học nào ngoài những chi phí tích lũy cần thiết cho mục tiêu bảo vệ hoặc khoa học của cuộc khảo sát. Do đó các kỹ thuật không phá hủy, quan sát trên không và chụp ảnh từ trên, và lấy mẫu vật lúc nào cũng phải được khuyến khích hơn là khai quật toàn bộ.

Một cuộc khai quật bao giờ cũng bao hàm một cách chọn lọc các dữ liệu để lập hồ sơ và báo cáo, mà phải hy sinh một số thông tin khác và có thể có sự huỷ hoại toàn bộ di tích. Cho nên một cuộc khai quật chỉ được tiến hành sau khi đã suy xét kỹ càng.

Khai quật phải được tiến hành trên những di chỉ và di tích bị đe dọa phá hủy bởi những chi phí trình phát triển, thay đổi cách sử dụng đất đai, công bố hay bị thiên nhiên huỷ hoại.

Trong những trường hợp đặc biệt, những di chỉ không bị đe dọa có thể được khai quật để làm sáng tỏ những vấn đề nghiên cứu hoặc với mục đích để trình bày cho công chúng. Trong trường hợp đó, trước khi khai quật phải có một sự đánh giá khoa học toàn diện về ý nghĩa của di chỉ. Khai quật phải làm tăng phần và giành một khoản không bị xáo trộn cho việc nghiên cứu về sau.

Sau khi kết thúc khai quật, trong một thời gian hợp lý, phải có báo cáo làm đúng theo chuẩn mực đã được xác định trước cho công trình khảo cổ học, có kèm theo bản kèm kê thích đáng.

Các cuộc khai quật phải được tiến hành theo đúng những nguyên tắc ghi trong văn kiện 1956 của UNESCO (Khuyến nghị về các Nguyên tắc quốc tế áp dụng cho các cuộc khai quật khảo cổ học) cũng như theo đúng những chuẩn mực nghiệp vụ, quốc tế và quốc gia.

Điểm 6. Báo và bảo tồn (Maintenance and Conservation)

Mục tiêu của báo và bảo tồn là bảo tồn các di tích và di sản văn hóa, bao gồm việc bảo tồn thích đáng lâu dài và việc xử lý (đó có thể là lâu) các hồ sơ và các số liệu, ... Mọi việc di chuyển các yếu tố của di sản đến một địa điểm mới đều vì phạm nguyên tắc bảo tồn di sản trong khung cảnh gốc của nó. Nguyên tắc này nhấn mạnh đến yêu cầu báo và bảo tồn, bảo tồn và quản lý thích đáng. Nó cũng khẳng định nguyên tắc là di sản văn hóa không được phép bị thiên nhiên mà là do khai quật và sau khi khai quật nếu không có khả năng tài chính để bảo vệ và bảo tồn.

quản lý.

Cần phải tích cực tìm kiếm và động viên sự cam kết và tham gia của địa phương, coi như là một phần không thể thiếu của việc báo và bảo tồn di sản văn hóa. Nguyên tắc này đặc biệt quan trọng khi xử lý di sản của dân chúng bản địa hoặc của các nhóm văn hóa địa phương. Trong một số trường hợp, tốt nhất là nên giao trách nhiệm báo và quản lý di sản và di tích cho người bản địa.

Do các hạn chế về nguồn tài chính là không thể tránh khỏi nên việc báo và bảo tồn tích cực sẽ được tiến hành trên một cơ sở có chọn lọc. Cho nên việc báo và bảo tồn này phải được thực hiện trên một số di sản di tích, trong khuôn viên di sản di tích, dựa trên sự đánh giá khoa học và ý nghĩa và tính tiêu biểu của những di sản di tích này, chứ không chỉ giới hạn trong phạm vi các di sản danh tiếng và trông hình dáng đẹp mắt.

Điểm 7. Giới thiệu, thông tin, trưng tu

Việc giới thiệu di sản văn hóa ra quần chúng là một phần không thể thiếu để nâng cao hiểu biết và nguồn gốc và phát triển của các xã hội hiện đại. Động lực đó là một phần không thể thiếu của quản lý di sản văn hóa. Mục tiêu của việc này là cung cấp thông tin và nhu cầu phải báo và di sản đó.

Việc giới thiệu và thông tin phải được quan niệm như là một việc phải làm trong những trường hợp, do đó phải thực hiện xuyên suốt để xem xét điều chỉnh. Phải luôn tâm đến các cách tiếp cận đa diện

đều hiểu rõ được quá khứ.

Việc tái dựng cần đáp ứng hai chức năng quan trọng: để nghiên cứu thực nghiệm và để thể hiện. Vì vậy các cuộc tái dựng cần phải được tiến hành hết sức thận trọng để tránh làm xáo trộn môi trường tích văn hóa còn tồn tại và phải lưu tâm đến môi trường lịch sử tích để đạt được tính xác thực. Các công trình tái dựng không được xây dựng trên các vật tích văn hóa và phải được xác định đúng như vậy.

Điểm 8. Trình độ nghiệp vụ

Đặc điểm bổ sung về quản lý di sản văn hóa, điểm thứ yếu là phải làm cho được nhu cầu ngành khoa học trình độ cao. Do đó việc đào tạo một số lượng thích đáng những người có trình độ nghiệp vụ cao trong các lĩnh vực chuyên môn có liên quan phải là một mục tiêu quan trọng đối với các chính sách giáo dục và quản lý gia. Nhu cầu đào tạo chuyên gia trong các lĩnh vực chuyên môn hoá cao đòi hỏi một số hợp tác quốc tế. Chú ý một cách đặc biệt đến nghiệp vụ và năng lực nghiệp vụ phải được xác lập và duy trì.

Một tiêu chuẩn văn hóa và bổ sung để văn hóa phải lưu tâm đến những thay đổi tích cực khai thác đến bảo tồn và lịch sử trong các chính sách bảo tồn. Cũng phải lưu tâm đến sự thật là việc nghiên cứu lịch sử các dân tộc bản địa là quan trọng trong việc bảo tồn và hiểu biết di sản văn hóa cũng như trong nghiên cứu các di tích và di sản văn hóa.

Việc bổ sung di sản văn hóa là một quá trình phát triển liên tục năng động. Do đó cần phải có một thời gian cho các nhà chuyên nghiệp trong lĩnh vực này cập nhật được tri thức của mình. Các chương trình đào tạo sau đại học phải có sự nhận mạnh đặc biệt đến việc bổ sung và quản lý di sản văn hóa.

Điểm 9. Hợp tác quốc tế

Di sản văn hóa là di sản chung của toàn nhân loại. Do đó hợp tác quốc tế là điều cần thiết để phát triển và duy trì các chu kỳ văn hóa trong việc quản lý di sản đó.

Có một nhu cầu cấp bách là lập ra những cơ chế quốc tế để trao đổi thông tin và kinh nghiệm giữa các nhà nghiên cứu và có trách nhiệm quản lý di sản văn hóa. Việc này đòi hỏi phải tổ chức các hội nghị, hội thảo, trao đổi kinh nghiệm... ở cấp toàn cầu cũng như khu vực, và thiết lập những trung tâm khu vực đào tạo sau đại học. ICOMOS, thông qua các nhóm chuyên môn của mình, cần thúc đẩy tình hình này trong các dự án dài hạn và trung hạn của mình.

Việc trao đổi quốc tế giữa các chức năng nghiên cứu (hành chính, khoa học) cần được phát triển như thế là một phần quan trọng để nâng cao trình độ quản lý di sản văn hóa.

Các chức năng trình hỗ trợ kỹ thuật trong lĩnh vực quản lý di sản văn hóa cần được phát triển để hỗ trợ bảo tồn của ICOMOS.

Hội nghị này, được biên soạn bởi Ủy ban Quốc tế về Quản lý Di sản Văn hóa (ICAHM), một ủy ban chuyên môn của ICOMOS, đã được Đại hội đồng ICOMOS thông qua trong cuộc họp ở Lausanne, Thuỵ Sĩ, vào tháng 10 - 1990.